



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Tan Phuoc
Last Middle First

Current Address: 84 Mai Thuc Loan, Huế'

Date of Birth: 02/01/30 Place of Birth: Hue

Previous Occupation (before 1975) LTC
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/14/75 To 11/07/84
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: EVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyen Huu Tram

Hệ Tấn Phelox

JUN 09 1989

South Dakota 1989 USA 25 South Dakota 1989 USA 25



Kính gửi, Bà Khúc Minh Thà

Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA. 22205-0635

QUESTIONNAIRES FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIET-NAM

I. BASIC IDENTIFICATION:

Name : NGUYEN TAN PHUOC
Date of birth : February 1st, 1930
Place of birth : Hue, Viet-Nam
Position Rank Before April 1975:
Colonnel Deputy Chief of Staff Political Warfare, section Hue.
Military serial number: 301023842 R.F.(Regional Force)
Date arrested : June 14, 1975
Date out of camp : November 7, 1984
Total time of re-education: 9 years 6 months and 2 years stilled.
Residence address : 84 Mai Thuc Loan, Hue, Viet-Nam
Residence mailing : 12G Phan Boi Chau, Hue, Viet-Nam.

II. LIST OF NAME, DATE OF BIRTH, PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER:

NGUYEN TAN PHUOC (DOB) Feb. 1st, 1930 (POB) HUE, VIET-NAM.

A. RELATIVES TO ACCOMPANY TO USA:

B. COMPLETE FAMILY LISTING (Living or dead):

Father : NGUYEN TAN TU (dead)
Mother : TRAN THI DUYEN (dead)
Spouse : Divorced
Children : NGUYEN TAN DUC
Sister : NGUYEN THI SAM
NGUYEN THI KIM DAI

III. RELATIVE OUTSIDE OF VIET-NAM:

A. CLOSEST RELATIVE IN USA:

1. PHAN HANG THO (Brother-in-law)
2. NGUYEN HUU TRAM (Cousin)

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHERS FOREIGN COUNTRY:

1. NGUYEN HUU DOAN (Cousin)

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 434 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Tấn Phước Sinh năm 19 30

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thừa thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 84 Mai thục loan, Huế, Bình trị thiên.

Can tội Trung tá tham mưu phó GTQT tiểu khu.

Bị bắt ngày 14-6-75 Án phạt 10TGT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 84 Mai thục Loan, Huế, Bình trị thiên.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Phước đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi về cư trú

Trước ngày 15 tháng 11 năm 84

Làm tay ngấm trò phải

Của Nguyễn Tấn Phước

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày

Giám thị

Thiếu tá: Trần Sĩ

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN PHUOC
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : FEB 1st 1930
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): V Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
 (Tinh trang gia dinh): DIVORCED V

ADDRESS IN VIETNAM : 126 PHAN BOI CHAU
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUE VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) V No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6-14-75 To (Den): 11-7-84

PLACE OF RE-EDUCATION: THU DUC, VINH PHU, HAITAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): RETIRED

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): COLONEL DEPUTY CHIEF
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): N/A
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): V

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____
126 PHAN BOI CHAU, HUE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____
NGUYEN HUU TRAM

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): V

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): COUSIN

NAME & SIGNATURE: Nguyen HUU TRAM
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYEN HUU TRAM, TEL

DATE: 4 6 - 5 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRES FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIET-NAM

I. BASIC IDENTIFICATION:

Name : NGUYEN TAN PHUOC
Date of birth : February 1st, 1930
Place of birth : Hue, Viet-Nam
Position Rank Before April 1975:
Colonnel Deputy Chief of Staff Political Warfare, section Hue.
Military serial number: 301023842 R.F.(Regional Force)
Date arrested : June 14, 1975
Date out of camp : November 7, 1984
Total time of re-education: 9 years 6 months and 2 years stilled.
Residence address : 84 Mai Thuc Loan, Hue, Viet-Nam
Residence mailing : 12G Phan Boi Chau, Hue, Viet-Nam.

II. LIST OF NAME, DATE OF BIRTH, PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER:

NGUYEN TAN PHUOC (DOB) Feb. 1st, 1930 (POB) HUE, VIET-NAM.

A. RELATIVES TO ACCOMPANY TO USA:

B. COMPLETE FAMILY LISTING (Living or dead):

Father : NGUYEN TAN TU (dead)
Mother : TRAN THI DUYEN (dead)
Spouse : Divorced
Children : NGUYEN TAN DUC
Sister : NGUYEN THI SAM
NGUYEN THI KIM DAI

III. RELATIVE OUTSIDE OF VIET-NAM:

A. CLOSEST RELATIVE IN USA:

1. PHAN HANG THO (Brother-in-law)

2. NGUYEN HUU TRAM (Cousin)

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHERS FOREIGN COUNTRY:

1. NGUYEN HUU DOAN (Cousin)

BỘ NỘI VỤ
Trại Thị trấn
Số 439 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984
của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn tấn Phước Sinh năm 19 30

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Thừa thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 84 Mai thục loan, Huế, Bình trị thiên.

Can tội Trung tá tham mưu phó GTQT tiểu khu.

Bị bắt ngày 14-6-75 Án phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 84 Mai thục Loan, Huế, Bình trị thiên.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại anh Phước đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội qui trại có tiến bộ.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (mười hai tháng)

- Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: _____ Nơi về cư trú

Trước ngày 15 tháng 11 năm 19 84

Lên tay người trả phải

Của Nguyễn Tấn Phước

Danh bìa số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

[Chữ ký]

Ngày 7 tháng 11 năm 19 84

Giám thị

Thước kẻ: Trần Sĩ

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN PHUOC
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : FEB 1ST 1930
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): V Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
 (Tinh trang gia dinh): DIVORCED V

ADDRESS IN VIETNAM : 12G PHAN BOI CHAU
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUE VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) V No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6-14-75 To (Den): 11-7-84

PLACE OF RE-EDUCATION: THU DUC, VINH PHU, HAM TAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): RETIRED

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): COLONEL DEPUTY CHIEF
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): N/A
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): V

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____
12G PHAN BOI CHAU, HUE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____
NGUYEN HUU TRAM

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): V

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): COUSIN

NAME & SIGNATURE: Nguyen HUU TRAM
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
NGUYEN HUU TRAM

DATE: 4 6 - 5 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Vancouver, June 6-1989.

Kính thưa bà Chủ tịch

Hội cứu tù nhân chính trị Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Kính thưa bà,

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn bà đã lưu ý về bức thư mà tôi đã gửi đến hồi thăm và nhớ hội do bà là chủ tịch về thân nhân của tôi, người anh họ Nguyễn Tấn Phước hiện ở Việt Nam.

Trường hợp ông Phước là một chị nhờ tôi bên này gửi lá đơn kèm theo đây qua Thái Lan mà thôi và ngoài ra chưa có được tin tức gì cả, và theo lời ông Phước cũng yêu cầu tôi gửi thư đến bà mong được nhân thư và thi lễ thêm tại Việt Nam do bà gửi qua để biết thêm thủ tục mà lo liệu.

Vậy xin bà được thư này có thể gửi thư trực tiếp về Việt Nam và bày về thêm thủ tục cho ông Phước. Rất mong với lòng nhân đạo của hội và riêng bà sẽ cứu vớt cho ông Phước sớm thoát khỏi cảnh cô cực hiện nay dưới chế độ sau mười một năm bị tù đầy rồi.

Tôi xin gửi kèm mỗi thư hai bản về bà để làm tài liệu thêm theo lời dặn của bà.

Kính chúc bà luôn luôn sức khỏe để thực hành lòng nhân đạo.

Kính chào bà.

Đàm Nguyễn